

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2019

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lan

Bà Bùi Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27-3-2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 08-01-2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/QĐXXST-HNGĐ ngày 06-3-2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993;

Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn A, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Thế P, sinh năm 1985;

Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang bị giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt, có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964;

Trú tại: Thôn B, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương;

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-01-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên

đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Phạm Thế P vào ngày 22-8-2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P chơi bời cờ bạc. Bản thân chị và gia đình có khuyên bảo nhưng anh P không nghe, còn đánh đập chị. Năm 2014, anh P chơi cờ bạc bị thua lỗ nên đã bán hết đồ đạc trong gia đình để trả nợ, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương ở, vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay. Cuối năm 2014, chị được biết anh P thực hiện hành vi vi phạm pháp luật ở tỉnh Gia Lai nên đã bị Công an tỉnh Gia Lai bắt và hiện vẫn đang bị giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Đến nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có cuộc sống chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh P.

- Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 25-7-2014. Chị xin nuôi cháu Đ và tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 19-02-2019, bị đơn anh Phạm Thế P trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bản thân anh vi phạm pháp luật, không thể chăm sóc được cho vợ con và không đảm bảo được hạnh phúc cho chị T. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn anh, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị T xin ly hôn thì anh không có ý kiến gì.

- Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung như chị T trình bày. Nay do anh đang vi phạm pháp luật, không có khả năng nuôi con nên anh xin nhường quyền nuôi con cho chị T.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương, đại diện địa phương cung cấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Thế P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, giữa chị T và anh P có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được vì sau khi kết hôn hai anh chị chỉ chung sống ở địa phương một thời gian ngắn thì chị T về nhà bố mẹ đẻ ở xã T ở. Năm 2014, anh P thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, bị bắt giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai từ đó đến nay. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo đơn của chị T để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ anh P cung cấp: Quá trình chung sống, chị T và anh P có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì bà không nắm được vì chị T và anh P không sống cùng gia đình bà. Trước khi chị T sinh con, chị T và anh P đã không còn chung sống cùng nhau nữa. Chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương ở. Năm 2014, anh P phạm tội và bị giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai từ đó đến nay. Nay do anh P hư hỏng, chị T thì vẫn còn trẻ, không thể chờ đợi anh P quay về nên gia đình bà cũng khuyên chị T tự giải phóng cho bản thân để tìm cuộc sống mới. Nay chị T xin ly hôn anh P, gia đình bà hoàn toàn nhất trí.

Tại phiên toà:

Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh P; chị xin nuôi cháu Đ và tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị T ly hôn anh P. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 25-7-2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Thế P được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt, anh P đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, người làm chứng bà Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án

nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh P, bà N.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Thế P kết hôn năm 2013 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P chơi bời cờ bạc, chị T và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh P không nghe, thậm chí còn đánh đập chị. Năm 2014, anh P vi phạm pháp luật và bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai từ đó đến nay. Bản thân anh P thừa nhận đã vi phạm pháp luật nên không thể chăm sóc được cho vợ con và không đảm bảo được hạnh phúc cho vợ. Anh xác định không còn tình cảm với chị T, chị T xin ly hôn thì anh không có ý kiến gì. Thực tế vợ chồng anh chị không có cuộc sống chung, không còn quan tâm đến nhau. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần cho chị T ly hôn anh P.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh P có một con chung là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 25-7-2014. Chị T và anh P đều có ý kiến giao cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy cháu Đ còn nhỏ, hiện nay đang ở với chị T. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng đến khi cháu Đ thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Phạm Thế P.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 25-7-2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003546 ngày 08-01-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thanh